# Mẫu 27

*(Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2015/TT-BTNMT ngày 06 tháng 4 năm 2015   
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Mẫu Báo cáo Thẩm tra**

|  |
| --- |
| **A. Tóm tắt quá trình thẩm tra** |

A.1. Thông tin chung

|  |  |
| --- | --- |
| Tên dự án |  |
| Số tham chiếu |  |
| Thời gian giám sát |  |
| Ngày hoàn thành báo cáo giám sát |  |
| Bên Thứ ba (TPE) |  |
| Bên tham gia dự án ký hợp đồng thuê TPE |  |
| Ngày hoàn thành báo cáo |  |

A.2 Kết thúc quá trình thẩm tra và mức độ đảm bảo

|  |  |
| --- | --- |
| Ý kiến xác nhận chung | Tích cực  Tiêu cực |
| Ý kiến không đạt | Trên cơ sở thực hiện quá trình và quy trình xác nhận, *XXX* (tên của TPE) đưa ra mức đảm bảo phù hợp rằng lượng phát thải KNK của*YYYY* (tên dự án)   * Không có sai sót về tài liệu và trình bày đầy đủ dữ liệu và thông tin về KNK, * Được xây dựng theo các quy định, quy trình, hướng dẫn, mẫu và các tài liệu có liên quan khác của Cơ chế JCM |
| *(Trong trường hợp ý kiến xác nhận là tiêu cực, đề nghị đánh dấu vào phần dưới và nêu rõ lý do).*  Ý kiến đạt  Ý kiến bất lợi  Từ chối trách nhiệm | <Nêu lý do> |

A.3. Tổng quan về kết quả xác nhận

| Đề mục | Nội dung thẩm tra | Không còn đề nghị Sửa đổi (CAR) hoặc Đề nghị Làm rõ (CL) |
| --- | --- | --- |
| Việc thực hiện dự án với các tiêu chí về tính hợp lệ của phương pháp luận được áp dụng | TPE xác định tính phù hợp của dự án và các hoạt động của dự án với các tiêu chí về tính phù hợp của phương pháp luận được áp dụng. |  |
| Việc thực hiện dự án với PDD đã đăng ký hay PDD có sửa đổi đã được phê duyệt | TPE đánh giá hiện trạng và các hoạt động của dự án với PDD đã đăng ký/xác minh hoặc PDD có sửa đổi đã được phê duyệt. |  |
| Tần suất hiệu chỉnh và sửa chữa các giá trị đo đạc với các yêu cầu có liên quan | Trong trường hợp chọn Phương án C, TPE xác định xem các thiết bị đo đạc có được hiệu chỉnh phù hợp với kế hoạch giám sát và các giá trị đã đo đạc có được sửa chữa phù hợp, nếu cần, để tính lượng phát thải giảm được theo PDD và Hướng dẫn Giám sát. |  |
| Dữ liệu và tính toán lượng phát thải KNK giảm được | TPE đánh giá dữ liệu và tính toán lượng phát thải KNK giảm được nhờ/do dự án bằng cách áp dụng phương pháp luận đã phê duyệt được lựa chọn. |  |
| Tránh đăng ký hai lần | TPE xác định xem dự án đã đăng ký thực hiện theo các cơ chế giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác không. |  |
| Những thay đổi sau khi đăng ký | TPE xác định xem có những thay đổi sau khi đăng ký so với PDD đã đăng ký và/hay phương pháp luận có thể cản trở việc sử dụng phhwowng pháp luận đã áp dụng không. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người được ủy quyền ký:** | Ông Bà |
| **Họ:** | **Tên:** |
| **Chức vụ:** | |
| **Chữ ký mẫu:** **Thời gian: ngày/tháng/năm** | |

|  |
| --- |
| **B. Nhóm xác nhận và các chuyên gia khác** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tên | Công ty | Chức năng\* | Hiểu biết về Chương trình\* | Kiến thức kỹ thuật\* | Kiểm tra thực địa |
| Ông  Bà |  |  |  |  |  |  |
| Ông  Bà |  |  |  |  |  |  |
| Ông  Bà |  |  |  |  |  |  |
| Ông  Bà |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| **C. Cách thức thẩm tra, kết quả và kết luận** |

C.1. Đánh giá kết quả thực hiện và vận hành dự án với các tiêu chí về tính phù hợp của phương pháp luận được áp dụng.

|  |
| --- |
| **<Cách thức thẩm tra>**  **<Kết quả>**  **<Kết luận dựa trên các yêu cầu báo cáo>** |

C.2.Đánh giá việc thực hiện dự án với PDD đã đăng ký hoặc PDD đã sửa đổi được phê duyệt

|  |
| --- |
| **< Cách thức thẩm tra >**  **<Kết quả>**  **<Kết luận dựa trên các yêu cầu báo cáo>** |

C.3. Đánh giá tần suất hiệu chỉnh và sửa chữa các giá trị được đo đạc với các yêu cầu có liên quan

|  |
| --- |
| **< Cách thức thẩm tra >**  **<Kết quả>**  **<Kết luận dựa trên các yêu cầu báo cáo>** |

C.4. Đánh giá dữ liệu và tính toán lượng cắt giảm phát thải KNK

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **< Cách thức thẩm tra >**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tham số | Các giá trị được quan trắc | Phương pháp thẩm tra các giá trị trong báo cáo giám sát kèm theo nguồn | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   **<<Kết quả>**  **<Kết luận dựa trên các yêu cầu báo cáo>** |

C.5. Đánh giá việc tránh đăng ký hai lần

|  |
| --- |
| **< Cách thức thẩm tra >**  **<Kết quả>**  **<Kết luận dựa trên các yêu cầu báo cáo>** |

C.6. Đánh giá thay đổi sau khi đăng ký

|  |
| --- |
| **< Cách thức thẩm tra >**  **<Kết quả>**  **<Kết luận dựa trên các yêu cầu báo cáo>** |

|  |
| --- |
| **D. Đánh giá phản hồi những vấn đề tồn tại** |

Đánh giá phản hồi về những vấn đề còn tồn tại như FAR từ giai đoạn xác minh và/hoặc xác nhận trước đây

|  |
| --- |
|  |

|  |
| --- |
| **E. Lượng phát thải KNK giảm được thẩm tra** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Lượng phát thải KNK tham chiếu được thẩm tra (tCO2e) | Lượng phát thải KNK của dự án được thẩm tra (tCO2e) | Lượng phát thải KNK giảm được thẩm tra (tCO2e) |
| 2013 |  |  |  |
| 2014 |  |  |  |
| 2015 |  |  |  |
| 2016 |  |  |  |
| 2017 |  |  |  |
| 2018 |  |  |  |
| 2019 |  |  |  |
| 2020 |  |  |  |
| Tổng số (tCO2e) |  |  |  |

|  |
| --- |
| **F. Danh sách của người được phỏng vấn và Danh mục tài liệu nhận được** |

F.1. Danh sách của người được phỏng vấn

|  |
| --- |
|  |

F.2. Danh sách của người được phỏng vấn và Danh mục tài liệu nhận được

|  |
| --- |
|  |

|  |
| --- |
| **Phụ lục - Các chứng nhận và Lý lịch của các thành viên tham gia thẩm tra, chuyên gia kỹ thuật và phản biện nội bộ của TPE** |

*Đính kèm chứng chỉ và sơ yếu lý lịch của các thành viên nhóm thẩm tra của TPE, các chuyên gia kỹ thuật và phản biện nội bộ của TPE*